

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 48/2019/DS-ST.

Ngày: 06/8/2019.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản và hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Phước Nghĩa

2. Bà Phạm Hồng Gái

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2019/TLST- DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2019/QĐXX-ST ngày 06 tháng 5 năm 2019; thông báo mở lại phiên tòa số: 06/2019/TB-TA ngày 12/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/QĐST-DS ngày 23/7/2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp Tân Lộc, xã Tân Thành, huyện Tân H, KG.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn Hoàng Đông**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Tân Lộc, xã Tân Thành, huyện Tân H, tỉnh KG.

2/ Đồng bị đơn: - Ông **Trần Văn M1**, sinh năm 1979.

- Bà **Võ Thị H**, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: ấp Kiên Hảo, xã Mỹ H Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa, riêng ông M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2018 nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày như sau:*

Trước đây từ năm 2009 do chỗ bà con quen biết nên vợ chồng ông Trần Văn M1 và bà Võ Thị H có đến đại lý phân bón, thuốc trừ sâu do ông M làm chủ để mua thiếu phân bón, thuốc trừ sâu nhiều lần. Đến năm 2017 thì hai bên kết thúc việc mua bán với nhau do phía bên ông M1 và bà H chậm thanh toán số tiền cũ còn nợ. Đến ngày 30/5/2015 ông M và vợ chồng ông M1, bà H tổng kết nợ với nhau theo đó vợ chồng ông M1, bà H còn nợ tiền mua thuốc trừ sâu và phân bón của ông M với tổng số tiền là 310.583.000 đồng, việc tổng kết nợ hai bên có làm biên nhận nợ đề ngày 30/5/2017. Đồng thời trong khoảng thời gian năm 2015 vợ chồng ông M1, bà H còn vay thêm của ông M số tiền là 1.500.000 đồng. Đối với số nợ trên từ ngày 30/3/2017 đến ngày 30/02/2018 vợ chồng ông M1 và bà H chỉ đóng lãi cho ông M số tiền 38.000.000 đồng (đây là tiền mua bán phân bón, đối với số tiền vay thì không có tính lãi).

Ngoài ra vào năm 2017-2018 ông M có nhận phần đất là 6.500m², đất ruộng của vợ chồng ông M1 để cho người khác thuê, số tiền thuê đất ông M nhận là 20.000.000 đồng. Đất tọa lạc tại ấp H Bình, xã Mỹ H Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Đến năm 2018 thì ông M đã trả lại phần đất này cho ông M1, bà H.

Nay ông M yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn M1 và bà Võ Thị H phải trả cho ông số tiền mua bán phân bón, thuốc trừ sâu còn thiếu nợ là 290.583.000 đồng (Trừ đi 20.000.000 đồng tiền thuê đất) và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 30/5/2015 cho đến thời điểm xét xử với mức lãi suất là 1,125%/tháng. Đồng thời buộc vợ chồng ông Trần Văn M1 và bà Võ Thị H phải trả cho ông M số tiền vay còn thiếu là 1.500.000 đồng, ông M không yêu cầu tính lãi. Ông M đồng ý trừ đi số tiền lãi trước đây ông đã nhận là 38.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn M là ông Nguyễn Văn Hoàng Đông rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi chỉ yêu cầu vợ chồng ông Trần Văn M1 và bà Võ Thị H phải trả lãi cho ông M đối với số nợ còn thiếu là 290.583.000 đồng tính từ ngày 30/5/2017 đến thời điểm xét xử với mức lãi suất là 1,125%/tháng. Cụ thể: 290.583.000 đồng x 1,125%/tháng x 26 tháng 6 ngày (làm tròn 26 tháng) = 84.995.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi là: 290.583.000 đồng + 84.995.000 đồng = 375.578.000 đồng – 38.000.000 đồng =

337.578.000 đồng và 1.500.000 đồng số tiền vay. Tổng cộng hai khoản số tiền là 339.078.000 đồng.

** Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa đồng bị đơn ông Trần Văn M1 và bà Võ Thị H trình bày như sau:*

Chúng tôi thừa nhận trước đây từ năm 2009 có mua thiếu phân bón, thuốc trừ sâu tại cửa hàng do ông M làm chủ nhiều lần đến năm 2017 là đúng. Đến ngày 30/5/2015 hai bên tổng kết nợ với nhau theo đó vợ chồng tôi còn nợ tiền mua thuốc trừ sâu và phân bón là 310.583.000 đồng là đúng, chúng tôi thừa nhận có ký tên vào tờ biên nhận đề ngày 30/5/2015. Số tiền này vợ chồng tôi và ông M thỏa thuận, chúng tôi giao cho ông M diện tích đất là 6.500m² tọa lạc tại ấp H Trung, xã Mỹ H Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang để cầm trừ một phần nợ. Số tiền nợ còn lại là 108.783.000 đồng. Việc thỏa thuận cầm trừ số tiền nợ này giữa các bên không có làm giấy tờ gì mà chỉ nói miệng với nhau. Hiện nay phần đất này Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất kê biên bán đấu giá và đã giao cho vợ chồng chúng tôi. Sau đó tôi giao cho ông M để cầm trừ số nợ vào năm 2014. Ngoài ra chúng tôi đã trả thêm số tiền gốc là 28.000.000 đồng, lãi là 10.000.000 đồng. Vậy vợ chồng tôi chỉ còn nợ số tiền mua vật tư nông nghiệp là 80.783.000 đồng. Phần đất này đúng là bên Thi hành án đã giao cho vợ chồng chúng tôi quản lý, sử dụng để trừ nợ theo bản án giữa chúng tôi với ông Lý Văn Hoàng, bà Nguyễn Thị Phụng.

Còn đối với số tiền 1.500.000 đồng ông M cho rằng đây là tiền vay và yêu cầu trả thì vợ chồng tôi cũng thừa nhận có nợ số tiền 1.500.000 đồng này nhưng đây là tiền lãi vợ chồng tôi còn nợ chứ không phải là tiền vay như ông M trình bày.

Nay ông M yêu cầu vợ chồng tôi phải trả số tiền còn nợ là 290.583.000 đồng và tiền lãi thì chúng tôi không đồng ý, chúng tôi chỉ đồng ý trả số tiền còn nợ là 108.783.000 đồng trừ đi số tiền gốc 28.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng thì còn lại là 80.783.000 đồng cùng với 1.500.000 đồng tiền nợ lãi nữa. Số tiền này vợ chồng tôi xin được trả dần mỗi vụ lúa trả 30.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên. Còn về phần số tiền 20.000.000 đồng mà ông M trình bày là cho người khác thuê đất và đồng ý trừ lại số tiền này cho vợ chồng tôi thì chúng tôi không đồng ý, vì đất này chúng tôi giao để trừ nợ, ông M đồng ý nhận đất và cho người khác thuê mấy năm nay, giờ lại không chịu nhận đất và trả lại tiền thuê đất thì chúng tôi không đồng ý.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc đồng bị đơn phải trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền mua bán phân bón, thuốc trừ sâu còn thiếu nợ là 290.583.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 30/5/2017 cho đến thời điểm xét xử với mức lãi suất là 1,125%/tháng. Cụ thể $290.583.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/\text{tháng} \times 26 \text{ tháng} = 84.995.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi là: $290.583.000 \text{ đồng} + 84.995.000 \text{ đồng} = 375.578.000 \text{ đồng} - 38.000.000 \text{ đồng} = 337.578.000 \text{ đồng}$ và 1.500.000 đồng số tiền vay. Tổng cộng hai khoản buộc đồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 339.078.000 đồng. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại số tiền gốc 20.000.000 đồng và một phần tiền lãi. Đồng thời, buộc ông M1 và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn M và đồng bị đơn ông Trần Văn M1, bà Võ Thị H. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

[2] *Về nội dung vụ án:* Theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các đương sự Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định trước đây vào năm 2009 cho đến năm 2017 vợ chồng ông Trần Văn M1 và bà Võ Thị H có đến đại lý phân bón, thuốc trừ sâu do ông M làm chủ để mua thiếu phân bón, thuốc trừ sâu nhiều lần. Đến ngày 30/5/2015 hai

bên tổng kết nợ với nhau theo đó vợ chồng ông M1 và bà H còn nợ tiền mua thuốc trừ sâu và phân bón của ông M với tổng số tiền là 310.583.000 đồng, việc tổng kết nợ hai bên có làm biên nhận với nhau là đúng sự thật và các bên không có tranh chấp.

Tuy nhiên các bên có tranh chấp về số tiền đã trả và số tiền còn nợ lại. Cụ thể, phía ông M cho rằng tính đến ngày 30/5/2015 thì ông M1, bà H còn nợ số tiền mua thiếu vật tư nông nghiệp là 310.583.000 đồng và số tiền vay là 1.500.000 đồng. Trong khi đó vợ chồng ông M1 và bà H cho rằng hiện tại ông bà chỉ còn nợ ông M số tiền là 80.783.000 đồng, số tiền đã trả được tổng cộng là 229.800.000 đồng. Số tiền 229.800.000 đồng ông bà đã trả được thông qua việc giao diện tích đất 6.500m² cho ông M để cầm trả nợ và tiền mặt là 28.000.000 đồng. Việc trả nợ ông bà không có gì để chứng minh, chỉ là nói miệng với nhau, còn số tiền 1.500.000 đồng ông M cho rằng ông bà vay là không đúng mà đó là tiền lãi. Do đó việc ông M yêu cầu ông M1 và bà H phải trả số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 310.583.000 đồng thì ông M1, bà H không đồng ý. Ông M1, bà H chỉ đồng ý trả số tiền mua bán còn nợ là 80.783.000 đồng, số tiền 1.500.000 đồng tuy là tiền lãi nhưng ông bà cũng đồng ý trả.

HĐXX nhận thấy việc mua bán và tổng kết nợ hai bên có làm biên nhận đề ngày 30/5/2015, tại phiên tòa bị đơn ông M1 và bà H cũng thừa nhận ông bà có ký tên vào tờ biên nhận này và cũng thừa nhận có nợ số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 310.583.000 đồng. Nhưng ông M1, bà H cho rằng ông bà đã trả cho ông M bằng cách giao diện tích đất 6.500m² cho ông M sử dụng tương đương với số tiền là 201.800.000 đồng để cầm trả nợ và trả bằng tiền mặt là 28.000.000 đồng. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay phía ông M1, bà H thừa nhận hiện tại phần đất này phía thi hành án dân sự huyện Hòn Đất đã có quyết định giao đất này cho ông bà, vợ chồng ông bà vẫn đang quản lý, sử dụng phần đất này.

Đồng thời, phía ông M cũng thừa nhận phía vợ chồng ông M1, bà H có đưa phần đất này cho ông quản lý trong hai năm 2017-2018 để canh tác trừ đi một phần nào số tiền phía ông M1 và bà H còn thiếu nợ chứ không phải giao đất để trừ nợ, phần đất này ông M để cho người khác thuê với số tiền là 20.000.000 đồng. Do đó có thể khẳng định phần đất này hiện nay phía ông M1 và bà H vẫn đang quản lý sử dụng là đúng sự thật, không có việc phía các bên đương sự giao đất để trừ số tiền nợ mua bán vật tư nông nghiệp là 229.800.000 đồng như lời trình bày của ông M1 và bà H. Vì vậy lời khai nại của phía đồng bị đơn là không có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận.

Đối với số tiền 1.500.000 đồng hai bên tranh chấp nguyên đơn cho rằng đây là tiền vay, trong khi bị đơn lại cho rằng đây là tiền lãi. Tuy nhiên tại phiên tòa phía ông M1 và bà H cũng đồng ý trả số tiền này nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của đồng bị đơn.

Từ những phân tích nêu trên HĐXX nhận thấy việc ông M yêu cầu ông M1 và bà H phải trả cho ông số tiền mua thiếu vật tư nông nghiệp còn nợ là 290.583.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/5/2017 đến thời điểm xét xử là 84.995.000 đồng cùng số tiền vay 1.500.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 428, Điều 438, Điều 471, Điều 474 và khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu tính lãi. Cụ thể ông Đông yêu cầu ông M1 và bà H phải trả số tiền lãi tính từ ngày 30/5/2017 đến ngày Tòa án xét xử (06/8/2017) là 26 tháng, với mức lãi suất là 1.125%/tháng và trừ đi phần tiền lãi mà ông M đã nhận trước đó là 38.000.000 đồng. Xét yêu cầu tính lãi của ông M là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, theo Bộ luật dân sự năm 2005 quy định như sau: *“Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng”*.

Do đó số tiền lãi ông M yêu cầu được tính cụ thể như sau: Từ ngày 30/5/2017 đến ngày 06/8/2019 làm tròn là 26 tháng x 290.583.000 đồng x 1,125%/tháng = 84.995.000 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi là 375.578.000 đồng (290.583.000 đồng + 84.995.000 đồng) – 38.000.000 đồng tiền lãi đã nhận = 337.578.000 đồng.

Tại phiên tòa ông M1 và bà H trình bày ngoài số tiền mặt ông bà đã trả là 28.000.000 đồng thì ông bà còn trả được 10.000.000 đồng tiền lãi cho ông M, tuy nhiên ông M1 và bà H cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình và ông M cũng không thừa nhận nên không có cơ sở để HĐXX xem xét chấp nhận.

Tại phiên tòa ông M1 và bà H chỉ đồng ý trả cho ông M số tiền còn nợ là 80.783.000 đồng và số tiền 1.500.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi vụ lúa 30.000.000 đồng đến khi hết nợ. Xét yêu cầu xin được trả dần của phía đồng bị đơn ông M1 và bà H. Căn cứ vào mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01 ngày 19/6/1997 của TANDTC - VKSNDTC- Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính hướng dẫn về việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định “...Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc

thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành ...”. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn cũng không đồng ý cho phía bị đơn được trả dần do đó HĐXX không xem xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trong quá trình nghị án.

Từ những lập luận và viện dẫn nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, buộc ông Trần Văn M1 và bà Võ Thị H phải trả cho ông M số tiền mua bán vật tư nông nghH còn nợ gốc là 290.583.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 30/5/2017 đến ngày 06/8/2019 là 84.995.000 đồng. Đồng thời buộc ông M1 và bà H trả cho ông M số tiền vay còn nợ là 1.500.000 đồng.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc ông Trần Văn M1 và bà Võ Thị H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn M toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.800.000 đồng theo biên lai thu số 0000641 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 428, Điều 438, Điều 471, Điều 474 và khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự 2005.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.

1.1. Buộc ông Trần Văn M1 và bà Võ Thị H phải trả cho ông M số tiền mua bán vật tư nông nghH còn nợ tổng cộng là 375.578.000 đồng (ba trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi tám ngàn đồng); trong đó tiền gốc là 290.583.000 đồng và tiền lãi là 84.995.000 đồng (84.995.000 đồng – 38.000.000 đồng).

1.2. Buộc ông Trần Văn M1 và bà Võ Thị H phải trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền vay là 1.500.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng và một phần tiền lãi do nguyên đơn tự nguyện rút lại yêu cầu.

3. Về án phí DSST: Buộc ông Trần Văn M1 và bà Võ Thị H phải chịu án dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật là 16.954.000 đồng.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn M toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.800.000 đồng theo biên lai thu số 0000641 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn An